

BẢNG SO SÁNH, PHÂN TÍCH

Một số chế độ chi tiêu đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Đồng Nai

Nguyên tắc xây dựng định mức:

- Kế thừa quy định tại Nghị quyết NQ số 203/2010/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi Nghị quyết số 103/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ) về quy định một số khoản chi cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước về quy định một số chế độ, định mức chi tiêu phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Phước.

- Trên cơ sở Nghị quyết của 02 tỉnh cũ, tích hợp các nội dung, định mức phù hợp, cụ thể:

+ Đối với cấp tỉnh: Tích hợp đầy đủ nội dung chi, định mức chi của tỉnh cũ cao hơn.

+ Đối với cấp xã: Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện (cũ) và cấp xã. Một số định mức lấy theo định mức cấp huyện (cũ) đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- Bổ sung một số nội dung trên cơ sở tham khảo các tỉnh: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Trị, Tuyên Quang, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Định mức đề xuất tại dự thảo NQ	Mức áp dụng theo Nghị quyết 17/2022/NQ-HĐND (Đồng Nai cũ) sửa đổi NQ số 203/2010/NQ-HĐND và NQ số 103/2013/NQ-HĐND	Mức áp dụng theo NQ 10/2021/NQ-HĐND Bình Phước cũ)	Thuyết minh, làm rõ
I. Hoạt động phí			
Hoạt động phí - Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân: cấp tỉnh: 0,5; cấp xã: 0,3 - Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương: cấp tỉnh: 0,14; cấp xã: 0,10	Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau: - Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,5 mức lương cơ sở; - Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,4 mức lương cơ sở; - Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,3		(Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội)

	mức lương cơ sở.		
II. Phụ cấp kiêm nhiệm (trong trường hợp kiêm nhiệm chức danh)			
1. Phụ cấp kiêm nhiệm			
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân - Trưởng ban Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh: hưởng 10% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)). + Cấp xã: thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ Các trường hợp trên nếu đã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm tại cơ quan khác thì không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định này.	Đại biểu HĐND giữ các chức vụ Đảng, Nhà nước, đoàn thể nếu kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan HĐND dưới đây thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo quy định này: - Chủ tịch HĐND các cấp; - Trưởng các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện Mức phụ cấp kiêm nhiệm hưởng 10% mức lương hiện hưởng (kể cả phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)). Nếu đã được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm tại cơ quan khác thì không được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định này.	1. Đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm các chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như sau: a) Cấp tỉnh: Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 1,3 mức lương cơ sở; Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,9 mức lương cơ sở. b) Cấp huyện: Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,7 mức lương cơ sở; Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,3 mức lương cơ sở. c) Cấp xã: Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 0,25 mức lương cơ sở; Trưởng ban Hội đồng nhân dân: 0,2 mức lương cơ sở.	Cấp tỉnh: tịch hợp theo mức chi của NQ tỉnh Đồng Nai (cũ) Cấp xã thực hiện theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ
III. Chi hỗ trợ (trong trường hợp kiêm nhiệm chức danh)			

- Tổ trưởng Tổ đại biểu: cấp tỉnh 0,5; cấp xã 0,3 - Tổ phó Tổ đại biểu: cấp tỉnh 0,3; cấp xã 0,15 - Ủy viên các Ban HĐND: cấp tỉnh 0,3; cấp xã 0,15	Mức phụ cấp trách nhiệm công việc kiêm nhiệm nêu tại Điều 6 của Quy định này như sau: 1. Cấp tỉnh: a) Phó Trưởng ban HĐND tỉnh: Bằng 0,5 so với mức lương tối thiểu; b) Tổ trưởng Tổ Đại biểu HĐND tỉnh: Bằng 0,5 so với mức lương tối thiểu; c) Thành viên các Ban HĐND cấp tỉnh: Bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu. 2. Cấp huyện: a) Tổ trưởng Tổ Đại biểu và Phó ban HĐND cấp huyện: Bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu; b) Thành viên các Ban HĐND cấp huyện: Bằng 0,2 so với mức lương tối thiểu. 3. Cấp xã: a) Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng ban HĐND cấp xã thí điểm: Bằng 0,3 so với mức lương tối thiểu; b) Tổ trưởng Tổ Đại biểu và Phó Trưởng ban HĐND cấp xã (thí điểm): Bằng 0,2 so với mức lương tối thiểu; c) Thành viên Ban HĐND cấp xã (thí điểm): Bằng 0,1 so với mức lương tối thiểu;	2. Đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm các chức vụ Phó Trưởng ban, Ủy viên của các ban, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc, như sau: a) Cấp tỉnh: Tổ trưởng Tổ đại biểu: 0,5 mức lương cơ sở/tháng; Tổ phó Tổ đại biểu và Ủy viên của các Ban: 0,3 mức lương cơ sở/tháng. b) Cấp huyện: Tổ trưởng Tổ đại biểu: 0,2 mức lương cơ sở/tháng; Tổ phó Tổ đại biểu và ủy viên của các Ban: 0,15 mức lương cơ sở/tháng. c) Cấp xã: Phó Trưởng Ban (nếu có): 0,1 mức lương cơ sở/tháng; Ủy viên của các Ban: 0,05 mức lương cơ sở/tháng.	Tích hợp NQ Bình Phước (cũ) và NQ Đồng Nai (cũ)
IV. Chi phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân			
1. Chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân			
- Chủ tọa kỳ họp: cấp tỉnh 250, cấp xã 110.000 đồng/buổi/người - Thư ký kỳ họp: cấp tỉnh 150, cấp xã 110 - Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu	a. Chủ tọa kỳ họp: cấp tỉnh 500, cấp huyện 300, cấp xã 150.000 đồng/ngày/người b. Thư ký kỳ họp: cấp tỉnh 300, cấp huyện 200, cấp xã 150		- Điều chỉnh các mức chi từ đơn vị tính “ngày” thành đơn vị tính “buổi” cho đồng nhất - Nâng mức khách mời, cán

khách mời, cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp (cấp tỉnh 150, cấp xã 100)	c Đại biểu Hội đồng nhân dân: 300, cấp huyện 150, cấp xã: 100 d Khách mời, cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ kỳ họp: cấp tỉnh 200, cấp huyện 110, cấp xã 70.		bộ, công chức, người lao động, phóng viên báo đài trực tiếp phục vụ kỳ họp - Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã
b. Chi tiền giải khát giữa giờ (cấp tỉnh 50, cấp xã 50)	Không quy định	- chi tiền giải khát giữa giờ tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày.	- Thực hiện theo khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
2. Chi xây dựng, tổng hợp, rà soát và hoàn thiện các văn bản phục vụ kỳ họp			
a. Chi xây dựng bài phát biểu		a. Chi xây dựng bài phát biểu	
- Phát biểu khai mạc, bế mạc + cấp tỉnh: 400.000 + cấp xã: 300.000	Không quy định	- Phát biểu khai mạc, bế mạc + cấp tỉnh: 400.000 + cấp xã: 300.000	Tích hợp theo mức Bình Phước (cũ)
- Phát biểu khi dự kỳ họp cấp dưới trực tiếp: cấp tỉnh 300.000		- Phát biểu khi dự kỳ họp cấp dưới trực tiếp: cấp tỉnh 300.000	
b. Chi xây dựng các văn bản trình kỳ họp Hội đồng nhân dân			
- Chi xây dựng báo cáo chuyên đề, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân trình kỳ họp + Cấp tỉnh 1.200.000 + Cấp xã 500.000	Chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề, đề án, tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân trình kỳ họp: - Cấp tỉnh: 600.000 đồng/bộ văn bản. - Cấp huyện: 300.000 đồng/bộ văn bản. - Cấp xã: 150.000 đồng/bộ văn bản.		Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Tuyên Quang, Quảng Trị,...
- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp. + Cấp tỉnh 1.000.000 + Cấp xã 500.000	Chi cho việc tổng hợp báo cáo kết quả thảo luận của các tổ tại kỳ họp: - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo. - Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo. - Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.		Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Lâm Đồng (1triệu-500), Hồ Chí Minh (1 triệu-600), Hà Nội (800-

			500), Quảng Trị (600-200).
- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung chất vấn, báo cáo tổng hợp trả lời chất vấn tại kỳ họp, thông báo kết luận phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh 1.000.000 + Cấp xã 500.000	Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp nội dung chất vấn, báo cáo tổng hợp trả lời chất vấn tại kỳ họp: - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo. - Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo. - Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.		Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Lâm Đồng (1tr - 500), Hồ Chí Minh (1tr-600), Hà Nội (1.500-1tr-500), Khánh Hòa (750-400-150), Tuyên Quang (1,5tr-500) - Bổ sung nội dung chi: thông báo kết luận phiên giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân
- Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và Nghị quyết chuyên đề (nếu có) tại kỳ họp + Cấp tỉnh 300.000 + Cấp xã 120.000	Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và Nghị quyết chuyên đề (nếu có) tại kỳ họp: - Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo; - Cấp huyện: 150.000 đồng/ báo cáo; - Cấp xã: 80.000 đồng/ báo cáo.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã
- Chi xây dựng, hoàn thiện biên bản kỳ họp + Cấp tỉnh 600.000 + Cấp xã 400.000	Mức chi cho việc xây dựng, hoàn thiện biên bản kỳ họp: - Cấp tỉnh: 600.000 đồng/ biên bản. - Cấp huyện: 450.000 đồng/ biên bản. - Cấp xã: 300.000 đồng/ biên bản.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã
- Chi xây dựng thông báo kết quả kỳ họp + Cấp tỉnh 500.000 + Cấp xã 200.000	Chi kết luận của Chủ tọa tại kỳ họp Cấp tỉnh: 500.000 đồng/thông báo Cấp huyện: 300.000 đồng/thông báo Cấp xã: 150.000 đồng/thông báo	Không quy định	- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã

			xã
c. Chi xây dựng và hoàn thiện nghị quyết trình tại kỳ họp			
- Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: mức chi áp dụng theo quy định hiện hành	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: mức chi áp dụng theo quy định hiện hành	Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân: mức chi áp dụng theo quy định hiện hành	Áp dụng theo quy định hiện hành
- Nghị quyết cá biệt (trừ nghị quyết về nhân sự) do Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân chuẩn bị trình kỳ họp Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh 1.200.000 + Cấp xã 500.000	Không quy định	Nghị quyết cá biệt: - Cấp tỉnh: 400.000 đồng/ng nghị quyết; - Cấp huyện: 300.000 đồng/ng nghị quyết; - Cấp xã: 200.000 đồng/ng nghị quyết.	Tích hợp theo mức Bình Phước (cũ) Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Hà Nội, Tuyên Quang, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Quảng Trị
- Chi rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh 600.000 đồng/ng nghị quyết + Cấp xã 400.000 đồng/ng nghị quyết	Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết trình kỳ họp: - Cấp tỉnh: 300.000 đồng/dự thảo NQ. - Cấp huyện: 150.000 đồng/dự thảo NQ.- Cấp xã: 100.000 đồng/dự thảo NQ.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Hà Nội, Tuyên Quang, Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Quảng Trị
d. Chi tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật sau kỳ họp Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ng nghị quyết			Thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính Phủ. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính
V. Chi hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			

1. Tổ chức hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát			
- Người chủ trì + Cấp tỉnh 200.000 + Cấp xã 200.000	Người chủ trì cuộc họp thẩm tra: - Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi. - Cấp huyện: 200.000 đồng/người/buổi. - Cấp xã: 150.000 đồng/người/buổi.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Lấy mức cấp huyện áp dụng cho cấp xã
- Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, thư ký + Cấp tỉnh 150.000 + Cấp xã 100.000	b) Sửa đổi khoản 2 về mức chi cho Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự họp thẩm tra: - Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi. - Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi. - Cấp xã: 90.000 đồng/người/buổi.		
- Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ + Cấp tỉnh 110.000 + Cấp xã 70.000	c) khách mời, cán bộ, công chức, người lao động tham gia họp và phục vụ hoạt động giám sát (không bao gồm đơn vị chịu sự giám sát): - Cấp tỉnh: 110.000 đồng/người/ buổi. - Cấp huyện: 70.000 đồng/người/ buổi. - Cấp xã: 60.000 đồng/người/ buổi.		
2. Xây dựng quyết định thành lập Đoàn, kế hoạch và đề cương giám sát, khảo sát, thẩm tra + Cấp tỉnh 1.500.000 + Cấp xã 600.000	Chi cho việc xây dựng quyết định và đề cương giám sát: - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ bộ hồ sơ. - Cấp huyện: 300.000 đồng/ bộ hồ sơ. - Cấp xã: 200.000 đồng/ bộ hồ sơ.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Khánh Hòa (cấp tỉnh 3.500 – cấp xã 2.300), thành phố Hồ Chí Minh (1.300-780), Hà Nội (1.500-600), Lâm Đồng (2.000-1.000), Tuyên Quang (2.000-700), Quảng Trị (1.000-400)

3. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát + Cấp tỉnh 2.000.000 + Cấp xã 1.000.000	Chi cho việc xây dựng báo cáo và thông báo kết luận giám sát: - Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/bộ hồ sơ. - Cấp huyện: 500.000 đồng/ bộ hồ sơ. - Cấp xã: 300.000 đồng/ bộ hồ sơ.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Khánh Hòa (cấp tỉnh 4000, huyện 1.300, cấp xã 450), Hà Nội (4.500-900-500), Lâm Đồng (2.000-1.000), Tuyên Quang (2.000-1.000), Quảng Trị (2.000-800)
4. Xây dựng báo cáo thẩm tra về: báo cáo, đề án, tờ trình dự thảo nghị quyết + Cấp tỉnh 2.500.000 + Cấp xã 1.000.000	Chi cho việc xây dựng báo cáo thẩm tra: - Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo. - Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo. - Cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Khánh Hòa (cấp tỉnh 2.300, huyện 750), Hà Nội (3000-1.200), thành phố Hồ Chí Minh (3.000-2.000), Tuyên Quang (1.500-400)
5. Khoản chi thuê chuyên gia hỗ trợ, nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát, thẩm tra của của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã (nếu xét thấy cần thiết).	Thuê người am hiểu về vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân thấy cần thiết: Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân các cấp được thuê người có trình độ chuyên môn nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước hoặc sau khi đi giám sát, thẩm tra		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Lấy mức cấp huyện áp dụng cho cấp xã

+ Cấp tỉnh 5.000.000 + Cấp xã 2.000.000	(nếu xét thấy cần thiết), mức thuê cụ thể như sau: - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/một lần thuê/đề án, nội dung; Cấp huyện: 2.000.000 đồng/một lần thuê/ đề án, nội dung; Cấp xã: 1.000.000 đồng/một lần thuê/ đề án, nội dung.”		
VI. Chi hội nghị, hội thảo, các phiên họp, cuộc họp do Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức			
1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo và họp - Người chủ trì + Cấp tỉnh 200.000 + Cấp xã 200.000 - Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu khách mời, thư ký + Cấp tỉnh 150.000 + Cấp xã 100.000 - Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ + Cấp tỉnh 110.000 + Cấp xã 70.000	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo và họp - Người chủ trì + Cấp tỉnh 200.000 đồng/buổi/người + Cấp huyện: 150.000 đồng/buổi/người + Cấp xã 200.000 đồng/buổi/người - Đại biểu Hội đồng nhân dân đồng/buổi/người + Cấp tỉnh 150.000 đồng/buổi/người + cấp huyện: 100.000 đồng/buổi/người + Cấp xã 70.000 đồng/buổi/người - khách mời, cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ + Cấp tỉnh 110.000 đồng/buổi/người + Cấp huyện: 70.000 đồng/buổi/người + Cấp xã 60.000 đồng/buổi/người		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Lấy mức cấp huyện áp dụng cho cấp xã
2. Chi tiền giải khát giữa giờ + cấp tỉnh 50.000 + cấp xã 50.000	Không quy định	- chi tiền giải khát giữa giờ tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày.	- Thực hiện theo khoản 7 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
3. Chi xây dựng báo cáo tham luận, bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan cấp trên tổ chức	Không quy định	Chi xây dựng báo cáo tham luận, bài phát biểu tại các hội nghị, hội thảo do Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc cơ quan cấp trên tổ chức. Tùy phạm vi	Tích hợp theo mức Bình Phước (cũ)

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo - Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo		và mức độ, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp triệu tập quyết định mức chi cụ thể, nhưng tối đa không quá 500.000 đồng/báo cáo hoặc bài phát biểu đối với cấp tỉnh; 300.000 đồng/báo cáo hoặc bài phát biểu đối với cấp xã.	
4. Chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề (không trình kỳ họp) phục vụ cho hoạt động của Đảng ủy Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh 900.000 + Cấp xã 450.000	Chi cho việc xây dựng báo cáo chuyên đề (không trình kỳ họp) phục vụ cho hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân: a) Cấp tỉnh: 900.000 đồng/báo cáo. b) Cấp huyện: 600.000 đồng/báo cáo. c) Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã
5. Soạn thảo thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân + Cấp tỉnh 500.000 + Cấp xã 200.000	Không quy định	Không quy định	Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Lâm Đồng (500-200), thành phố Hồ Chí Minh (300-200), Tuyên Quang (1.500-500)
6. Xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh + Cấp tỉnh 1.200.000 + Cấp xã 600.000	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự án luật, pháp lệnh: - Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/báo cáo/ dự án luật, pháp lệnh. - Cấp huyện: 600.000 đồng/báo cáo/ dự án luật, pháp lệnh. - Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo/ dự án luật, pháp lệnh.		- Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Lấy mức cấp huyện áp dụng cho cấp xã
VII. Chi tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân			
1. Khoản chi cho các xã, phường để tổ	Khoản chi cho các xã, phường để tổ		Tích hợp theo mức Đồng

chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp (Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì hội nghị): 10.000.000 đồng/năm/xã, phường (trong đó đã bao gồm mức chi cho người chủ trì hội nghị là 150.000 đồng/hội nghị).	chức, phục vụ công tác tiếp xúc cử tri của Hội đồng nhân dân các cấp (Thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, nước uống, chi cho người chủ trì hội nghị): 10.000.000 đồng/năm/xã, phường (trong đó đã bao gồm mức chi cho người chủ trì hội nghị là 150.000 đồng/hội nghị).		Nai (cũ)
2. Khoản chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri + Cấp tỉnh 3.000.000 + Cấp xã 1.500.000	Khoản chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri: - Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/đại biểu/năm. - Cấp huyện: 1.500.000 đồng/đại biểu/năm. - Cấp xã: 750.000 đồng/đại biểu/năm.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) Mức khoản chi của huyện được áp dụng cho xã
3. Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri cấp tỉnh 150.000 đồng/buổi/người	chủ trì hội nghị là 150.000 đồng		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
4. Cán bộ, công chức, người lao động tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri, phóng viên báo, đài Cấp tỉnh 150.000, Cấp xã 100.000	Không quy định	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, người chủ trì Hội nghị tiếp xúc cử tri: đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đại biểu được bầu (đối với tiếp xúc cử tri ở đơn vị bầu cử); đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi đại biểu cư trú (đối với tiếp xúc cử tri nơi cư trú); đại diện Ban chấp hành Công đoàn (đối với tiếp xúc cử tri nơi làm việc) và thành phần được mời tham dự Hội nghị	Tích hợp theo mức Bình Phước (cũ)

		tiếp xúc cử tri: - Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/ngày; - Cấp huyện: 120.000 đồng/người/ngày; - Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.	
5. Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri theo Tổ đại biểu Cấp tỉnh 300.000, cấp xã 150.000	Xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, kết quả tiếp xúc cử tri theo chuyên đề: - Cấp tỉnh: 150.000 đồng/báo cáo. - Cấp huyện: 100.000 đồng/ báo cáo. - Cấp xã: 70.000 đồng/ báo cáo.		- Tích hợp theo quy định của tỉnh Đồng Nai (cũ); Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND, đồng thời đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh Hà Nội, Khánh Hòa, Tuyên Quang
6. Xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri chung trình kỳ họp Hội đồng nhân dân Cấp tỉnh 1000.000, cấp xã 500.000	Báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri của các Tổ đại biểu Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo	Chi xây dựng và hoàn thiện báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri: - Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo; - Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo; - Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.	- Tích hợp theo quy định của tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước (cũ) - Để đáp ứng tình hình thực tiễn hoạt động của HĐND; đồng thời mức chi được xây dựng trên cơ sở tham khảo của các tỉnh như: Hà Nội (2000-500), Khánh Hòa (1.200-450), Tuyên Quang (1.000-500),
VIII. Chi tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân			
Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công trực tiếp tiếp công dân theo lịch hoặc giấy mời tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	Chi cho đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công trực tiếp tiếp công dân theo lịch hoặc giấy mời tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân, của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Cấp tỉnh: 150.000/người/ngày	Không quy định	Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ) - Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã

Cấp tỉnh: 150.000/người/ngày Cấp xã: 80.000/người/ngày	Cấp huyện: 100.000/người/ngày Cấp xã: 70.000/người/ngày		
IX. Chi cho công tác xã hội			
1. Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất			
a. Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm			
- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ là 5.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.	- Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 500.000 đồng/người/lần; nếu phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi: 1.500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp là 5.000.000 đồng/người/lần. Chi không quá 02 lần/người/năm.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
- Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của đại biểu được hỗ trợ là 3.000.000 đồng.	- Đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của đại biểu được trợ cấp là 3.000.000 đồng.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
- Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được hỗ trợ một lần là 1.500.000 đồng/người.	- Đại biểu Hội đồng nhân dân có cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con ruột chết thì được trợ cấp một lần là 1.500.000 đồng/người.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
- Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần hỗ trợ mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.	- Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ Quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
b. Chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ khó khăn đột xuất đối với các vị nguyên là	b. Chế độ thăm hỏi ốm đau, trợ cấp khó khăn đột xuất đối với các vị nguyên là đại		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)

đại biểu Hội đồng nhân dân	biểu Hội đồng nhân dân		
- Các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi là 1.500.000 đồng/người/lần, chi không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi hỗ trợ một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người, chi không quá 02 lần/năm.	- Các vị nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân khi ốm đau phải nằm viện, mức chi tiền thăm hỏi là 1.500.000 đồng/người/lần thăm bệnh, chi không quá 02 lần/năm. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục quy định của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp một lần tối đa không quá 3.000.000 đồng/người, chi không quá 02 lần/năm.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
- Nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu được hỗ trợ 3.000.000 đồng.	- Nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân từ trần thì gia đình của nguyên đại biểu được trợ cấp 3.000.000 đồng.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
X. Một số chế độ chi khác			
1. May trang phục (lễ phục) - Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm: 02 bộ/nhiệm kỳ Cấp tỉnh 5.000.000, cấp xã 3.000.000 - Cán bộ, công chức Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân: 02 bộ/nhiệm kỳ Cấp tỉnh 2.500.000, cấp xã 1.500.000	1. May trang phục (lễ phục) - Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm: 02 bộ/nhiệm kỳ Cấp tỉnh 5.000.000, cấp xã 3.000.000 - Cán bộ, công chức Văn phòng trực tiếp phục vụ các hoạt động của Hội đồng nhân dân: 02 bộ/nhiệm kỳ Cấp tỉnh 2.500.000, cấp xã 1.500.000		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet (trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp thì được chi ở mức cao nhất) Cấp tỉnh 600.000, cấp xã 300.000	2. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tài liệu, báo chí, phí truy cập internet (trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp thì được chi ở mức cao nhất) Cấp tỉnh 600.000, cấp xã 300.000		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
3. Chi hỗ trợ đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân không được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định Cấp tỉnh 1.000.000, cấp xã 500.000	3. Chi hỗ trợ đối với các đại biểu Hội đồng nhân dân không được hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định Cấp tỉnh 1.000.000, cấp xã 500.000		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)

4. Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chuyển công tác và thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: Cấp tỉnh 3.000.000, cấp xã 2.000.000	4. Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp chuyển công tác và thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng phục vụ trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: Cấp tỉnh 3.000.000, cấp xã 2.000.000		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
5. Chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội của các tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội (như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình và cá	5. Chi tặng quà cho các đối tượng chính sách, xã hội của các tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp khi thăm hỏi nhân dịp Lễ, Tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội (như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp với hoạt động của Hội đồng nhân dân; gia đình và cá nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; các tập thể thuộc		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)

nhân gặp rủi ro thiên tai; Già làng, người có uy tín trong cộng đồng; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo...), các trường hợp khác do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định: đối với tập thể tối đa không quá 10.000.000 đồng/lần, đối với cá nhân tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần.	diện chính sách xã hội như: Trại điều dưỡng thương binh, bệnh binh; trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú; các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo...): đối với tập thể tối đa không quá 10.000.000 đồng/lần, đối với cá nhân tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần.		
6. Chế độ chi bồi dưỡng cho cá nhân tham dự giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri tổ chức vào những ngày nghỉ, ngày lễ như sau: “Đối với giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì được chi gấp 02 lần; nếu tổ chức vào ngày lễ thì được chi gấp 03 lần so với mức chi quy định tại Nghị quyết này”.	6. Chế độ chi bồi dưỡng cho cá nhân tham dự giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri tổ chức vào những ngày nghỉ, ngày lễ như sau: “Đối với giám sát, khảo sát, thẩm tra, kỳ họp, tiếp xúc cử tri của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tổ chức vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì được chi gấp 02 lần; nếu tổ chức vào ngày lễ thì được chi gấp 03 lần so với mức chi quy định tại Nghị quyết này”.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)
7. Chế độ chi tặng quà cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài Quà tặng được sử dụng khi Đoàn của HĐND tỉnh Đồng Nai đi công tác nước ngoài hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài đến làm việc với HĐND tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi tổ chức, cá nhân do Thường trực HĐND tỉnh quyết định và thực hiện theo kế hoạch.	Chế độ chi tặng quà cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài Quà tặng được sử dụng khi Đoàn của HĐND tỉnh Đồng Nai đi công tác nước ngoài hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài đến làm việc với HĐND tỉnh. Mức chi quà tặng đối với mỗi tổ chức, cá nhân do Thường trực HĐND tỉnh quyết định và thực hiện theo kế hoạch.		Tích hợp theo mức Đồng Nai (cũ)

